

Bản án số: 26/2021/DS-ST

Ngày: 19-5-2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành
2. Ông Ngô Xuân Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2020/TLST- DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Đức V, sinh năm 1972 và ông Phan Đức C, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Thôn 5, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Đức N, sinh năm: 1961; địa chỉ: 203 Phan Đình P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo giấy ủy quyền ngày 14-12-2020). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị Thu V, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn 5, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 30-10-2020, bản tự khai ngày 26-01-2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Phan Đức V, ông Phan Đức C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Ngô Đức N trình bày:

Ông Phan Đức V, ông Phan Đức C và bà Phan Thị Thu V là chị em ruột. Ngày 22-8-2018, ông Phan Đức V và ông Phan Đức C có cho bà Phan Thị Thu V vay 253.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu đồng) tại Hợp đồng vay tiền được công chứng ngày 22-8-2018 tại Văn phòng công chứng Đặng An B, thời hạn vay là 2 năm kể từ ngày công chứng, lãi suất do các bên thỏa thuận tính theo lãi suất Ngân hàng, nếu quá thời hạn mà không trả thì tính lãi suất quá hạn của Ngân hàng. Hết thời hạn cam kết, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà Phan Thị Thu V trả số tiền nợ gốc và nợ lãi nhưng bà V không trả. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị Thu V phải trả cho nguyên đơn số tiền 253.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi tính từ ngày vay là ngày 22-8-2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 1,25 %/tháng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về tính nợ lãi, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả nợ lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án.

2. Tại bản tự khai ngày 25-11-2020, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Phan Thị Thu V trình bày: Bà thừa nhận ngày 22-8-2018 bà có vay của ông Phan Đức V, ông Phan Đức C số tiền 253.000.000 đồng mục đích để trả nợ ngân hàng, thời hạn vay là 2 năm kể từ ngày công chứng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không nói rõ bao nhiêu %/tháng vì chúng tôi là chị em. Từ ngày vay đến nay thì bà chưa trả tiền gốc và lãi cho ông V và ông C. Nay ông V và ông C khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 253.000.000 đồng thì bà đồng ý, đối với tiền lãi thì bà đồng ý trả lãi kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng. Tuy nhiên hiện nay điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn nên bà xin trả dần số tiền nợ gốc và lãi từng năm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức V, ông Phan Đức C, buộc bà Phan Thị Thu V phải trả cho ông Phan Đức V, ông Phan Đức C 253.000.000 đồng và tiền lãi; buộc bà Phan Thị Thu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn là ông Phan Đức V, ông Phan Đức C khởi kiện bị đơn bà Phan Thị Thu V, cư trú tại thôn 5, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai, yêu cầu bà V phải trả số tiền vay 253.000.000 đồng và tiền nợ lãi, nên căn cứ khoản 3 Điều 26,

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 253.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi, đồng thời cung cấp chứng cứ là Hợp đồng vay tiền ngày 22-8-2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng Đặng An B để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn bà V thừa nhận có vay số tiền 253.000.000 đồng của nguyên đơn đến nay chưa trả nợ gốc, nợ lãi và xin nguyên đơn cho trả nợ dần. Xét hợp đồng vay tiền giữa ông V, ông C và bà V là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi, được giao kết hợp pháp. Theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên vay phải trả đủ tiền khi đến hạn; do bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn đã thỏa thuận, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà V phải trả cho nguyên đơn số tiền 253.000.000 đồng nợ gốc.

[3] Về nợ lãi: Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về tính nợ lãi, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả nợ lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án; bị đơn đồng ý trả nợ lãi nhưng do điều kiện khó khăn nên chưa có tiền để trả. Xét tại Hợp đồng vay tiền ngày 22-8-2018 thể hiện “lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất theo quy định pháp luật”, như vậy các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về nợ lãi là phù hợp với quy định pháp luật đã viện dẫn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, tiền nợ lãi mà bà V phải trả cho ông V, ông C được tính như sau:

Từ ngày 22-8-2018 đến ngày 19-5-2021 là: 253.000.000 đồng x 1001 ngày x 10%/năm = 69.384.383 đồng.

Như vậy, tổng số nợ gốc và nợ lãi mà bà Phan Thị Thu V phải trả cho ông Phan Đức V, ông Phan Đức C là 253.000.000 đồng + 69.384.383 đồng = 322.384.383 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà V phải chịu 16.119.219 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông V, ông C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức V, ông Phan Đức C.

Buộc bà Phan Thị Thu V phải trả cho ông Phan Đức V, ông Phan Đức C 322.384.383 đồng, trong đó 253.000.000 đồng nợ gốc và 69.384.383 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phan Thị Thu V phải chịu 16.119.219 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Đức V, ông Phan Đức C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phan Đức V, ông Phan Đức C 8.380.625 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005721 ngày 09-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.P;
- THADS Tp.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu

